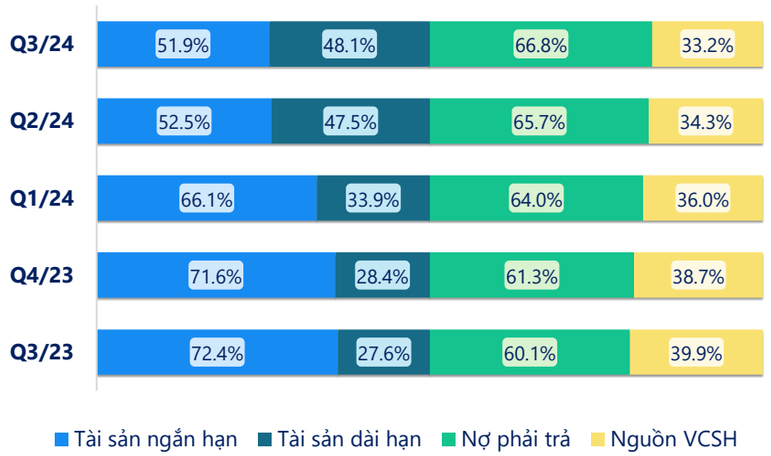
FireAnt

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	2,180
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,080
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,710
SL cổ phiếu LH	256,207,345
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,919,040
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	559
P/E	-0.9
EPS	-2,491

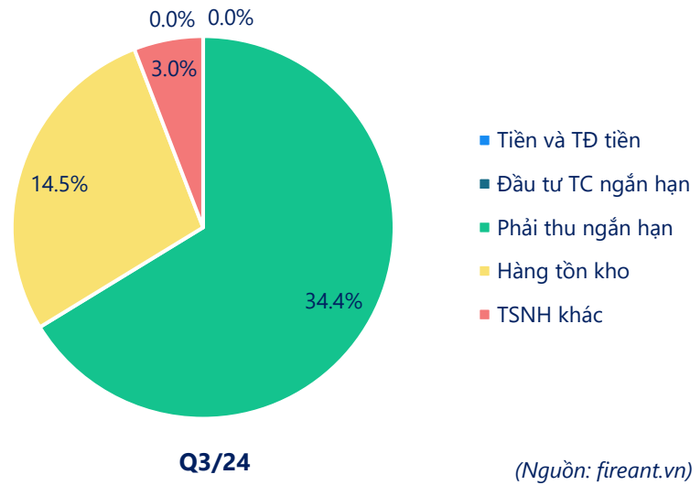
	YTD	1T	3T	6T
LDG	-27.1%	15.3%	-22.7%	-27.6%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



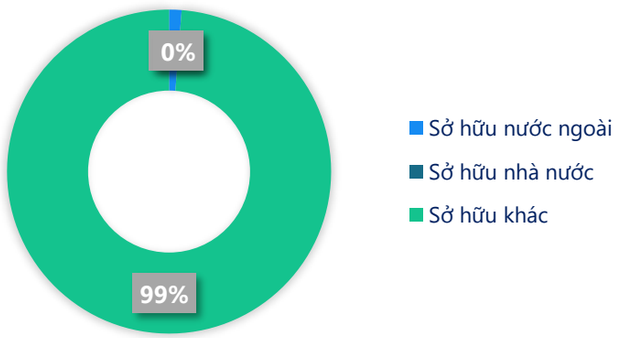
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



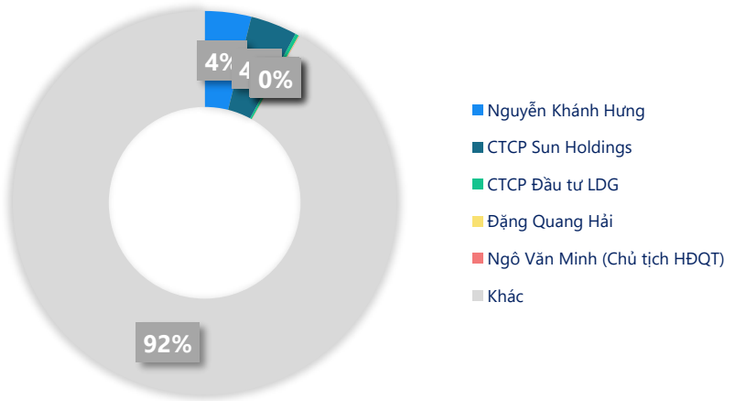
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



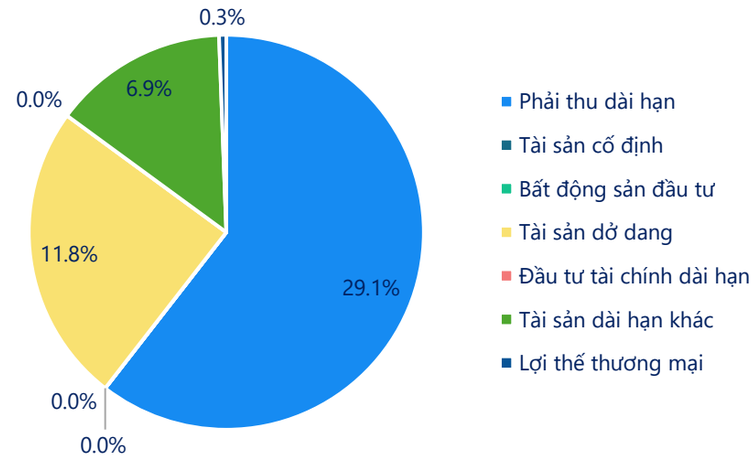
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

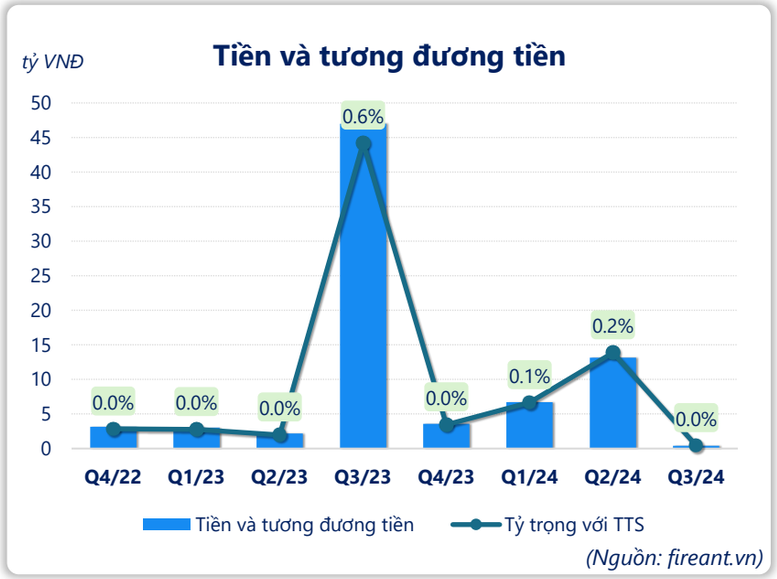
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



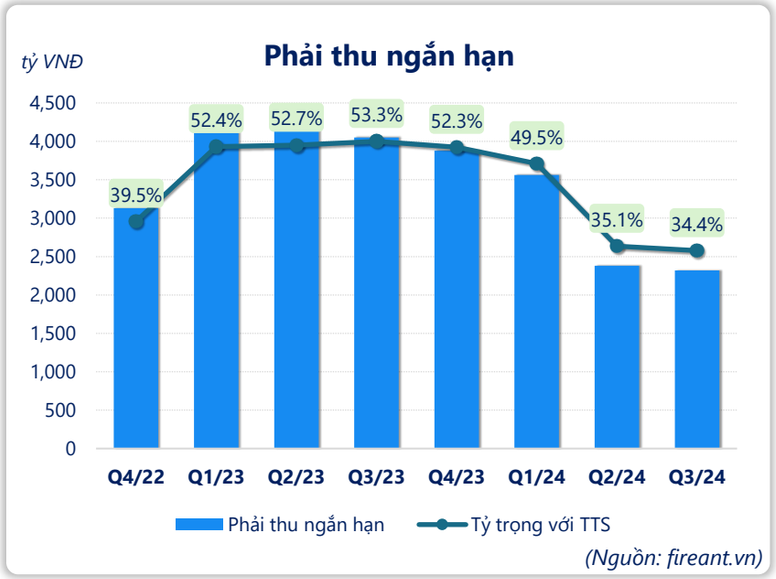
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

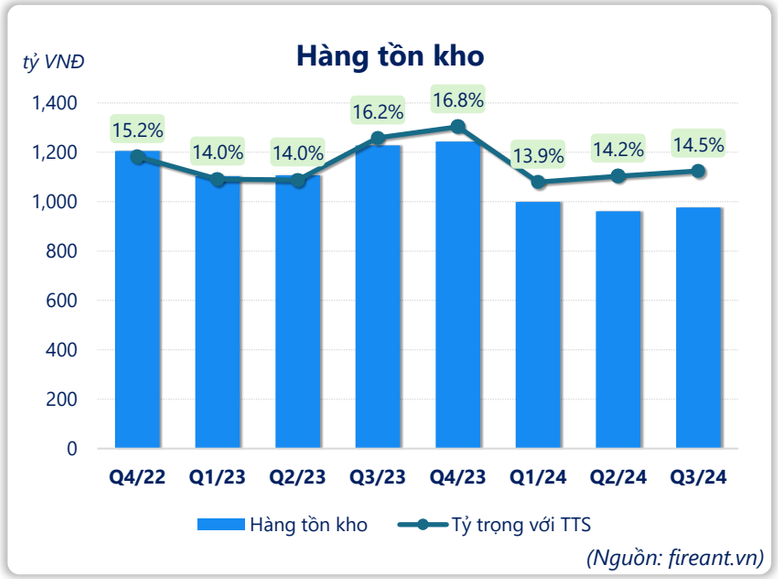
CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)



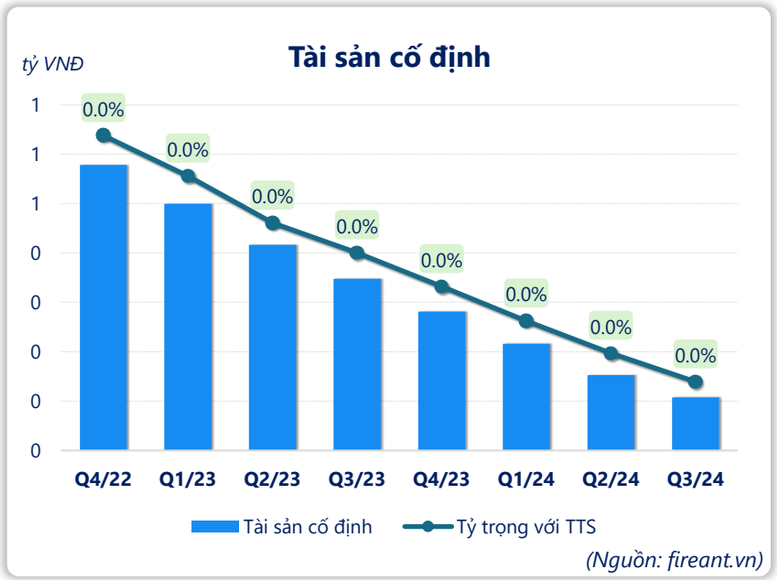
(Nguồn: fireant.vn)



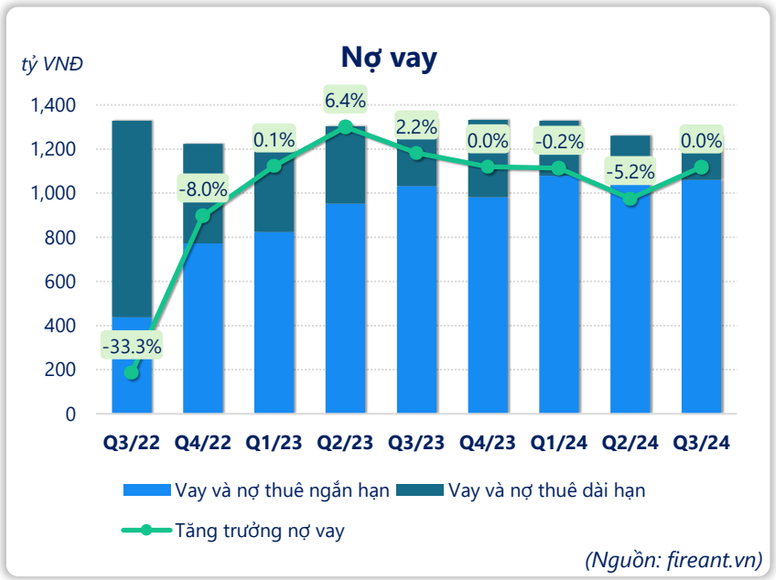
(Nguồn: fireant.vn)



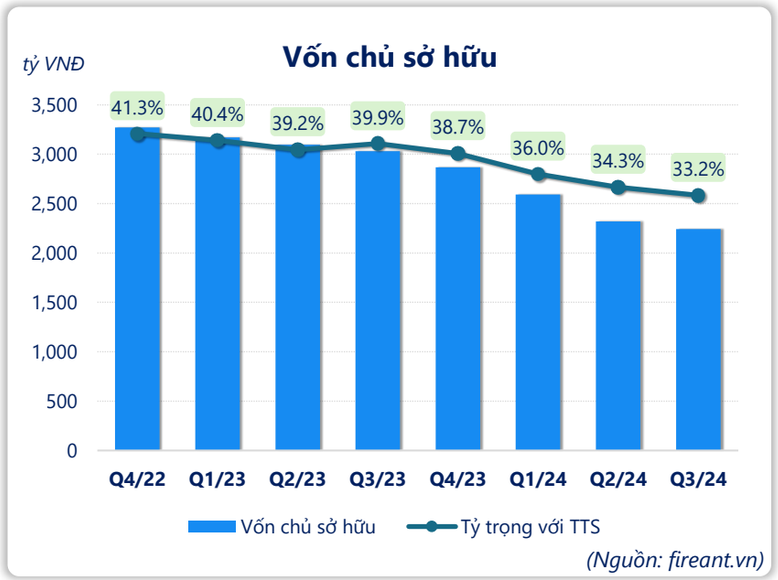
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



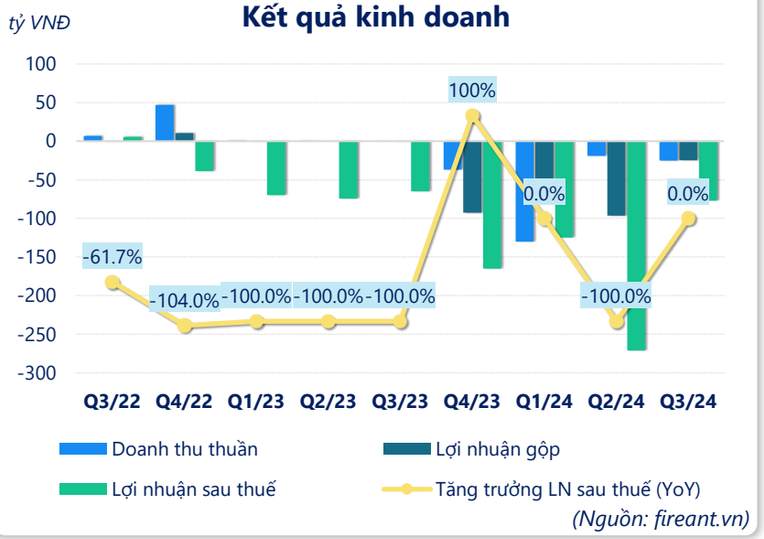
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

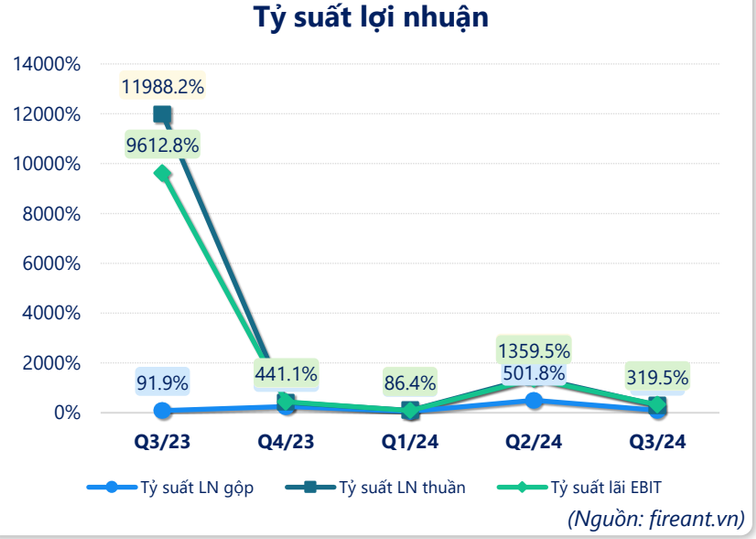
CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

Kết quả kinh doanh



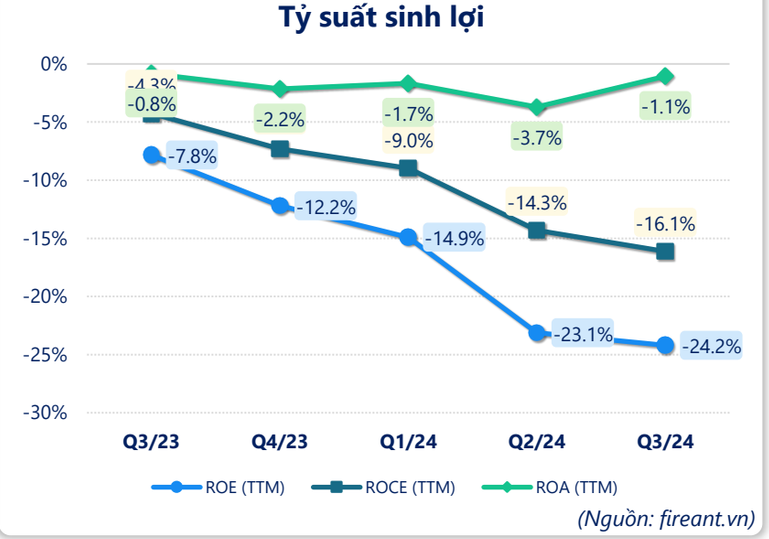
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



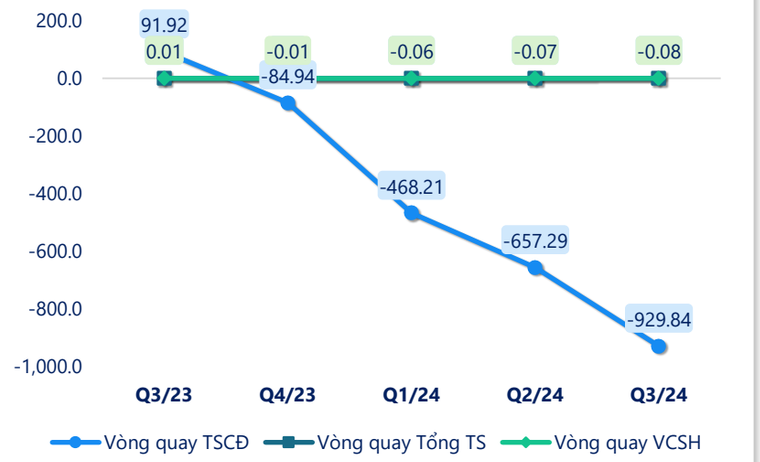
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



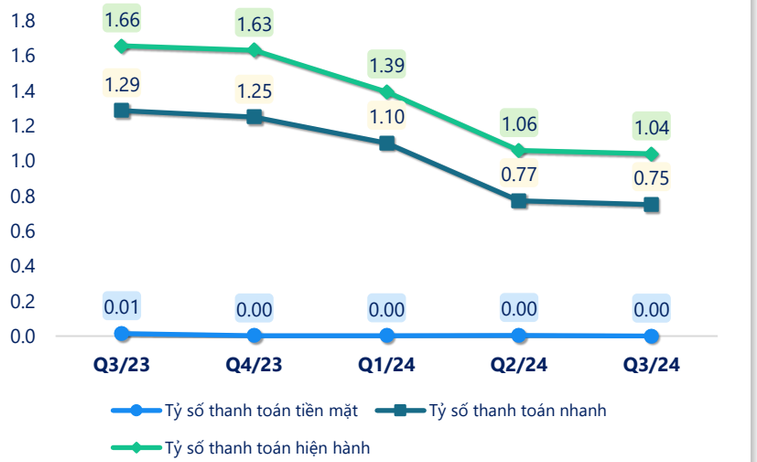
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



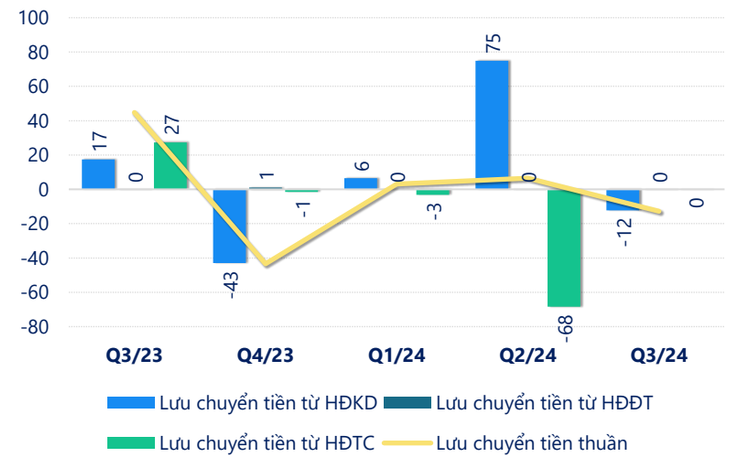
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,751**	**7,265**	**-7.1%**
Tài sản ngắn hạn	3,502	4,861	-28.0%
Tiền và tương đương tiền	0.41	3.58	-88.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,320	3,708	-37.4%
Hàng tồn kho	976	963	1.3%
Tài sản ngắn hạn khác	205	187	9.8%
Tài sản dài hạn	**3,250**	**2,404**	**35.2%**
Phải thu dài hạn	1,966	1,169	68.3%
Tài sản cố định	0.11	0.28	-61.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	798	776	2.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**466**	**434**	**7.4%**
Lợi thế thương mại	19.1	25.2	-24.1%
Nợ phải trả	4,508	4,552	-1.0%
Nợ ngắn hạn	**3,366**	**3,257**	**3.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,060	982	7.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	181	183	-1.2%
Nợ dài hạn	1,142	1,295	-11.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	200	350	-42.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,244**	**2,714**	**-17.3%**
Vốn chủ sở hữu	**2,244**	**2,714**	**-17.3%**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	-0.55	-37.0	-130	-19.2	-25.2
Giá vốn hàng bán	-0.05	55.7	-61.1	77.2	-0.39
Lợi nhuận gộp	-0.51	-92.7	-69.0	-96.4	-24.8
Doanh thu HĐTC	0.05	0.03	0.00	0.01	0.00
Chi phí TC	49.2	35.8	45.0	42.1	41.1
Chi phí lãi vay	14.4	1.35	13.1	14.1	-1.41
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.43	3.23	1.95	8.18	1.33
Chi phí QLDN	14.4	23.7	9.43	127	7.65
LN thuần từ HĐKD	-66.5	-155	-125	-274	-74.9
Lợi nhuận khác	-1.24	-9.15	-0.16	-1.81	-4.14
LN trước thuế	-67.7	-165	-126	-275	-79.1
Lợi nhuận sau thuế	-65.0	-165	-125	-271	-77.1
LNST của CĐ cty mẹ	-65.0	-165	-125	-271	-77.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.5	-42.9	6.43	74.9	-12.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	1.01	0.00	0.01	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	27.3	-1.48	-3.31	-68.4	-0.40
Tiền đầu kỳ	2.19	47.0	3.58	6.70	13.1
Lưu chuyển tiền thuần	**44.8**	**-43.4**	**3.12**	**6.44**	**-12.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.0	3.58	6.70	13.1	0.41

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic